

Bản án số: 71/2024/HSST
Ngày: 23 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Thảo
Ông Phạm Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Ngô Mạnh Lân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 50/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2024/QĐXXST-HS ngày 23/4/2024 và Thông báo thay đổi thời gian, địa điểm mở phiên tòa số 48/TB-TA ngày 10/5/2024 đối với các bị cáo:

1. Đinh Văn P, tên gọi khác: Không, Giới tính: Nam, sinh ngày 21/5/1997, tại thành phố Đà Nẵng; Nơi đăng ký HKTT: Tổ D, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 08/12. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Đinh Văn A (SN 1974) và bà Đào Thị B (SN 1976). Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án: Không.

Tiền sự:

+ Ngày 15/9/2021, bị Chủ tịch UBND phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng ra Quyết định số 276/2021/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại phường, thời hạn 03 tháng do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Ngày 27/01/2022, bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 11/2022/QĐ-TA, thời hạn chấp hành 12 tháng, kể từ ngày 17/12/2021, đã chấp hành xong theo Giấy chứng nhận số 298/CN-CSXHBB ngày 16/9/2022.

Nhân thân:

+ Ngày 07/9/2014, bị Công an quận T xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, số tiền 375.000đồng theo Quyết định số 32/QĐ-XPVPHC.

+ Ngày 22/5/2018, bị Công an quận T xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, số tiền 750.000đồng theo Quyết định số 250/QĐ-XPVPHC.

+ Ngày 09/10/2018, bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP . xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số 97/2018/HSST, đến ngày 21/01/2019 chấp hành xong án phí, ngày 21/02/2020 chấp hành xong án phạt tù (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 22/3/2023. Có mặt.

2. Nguyễn Thị Phương T, tên gọi khác: Nhỏ, Giới tính: Nữ, sinh ngày 29/4/2000, tại tỉnh Quảng Nam; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: K N, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông. Trình độ học vấn: 07/12. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Nguyễn Văn H (SN 1976) và bà Phạm Thị Thu P1 (SN 1972). Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ ba. Chưa có chồng. Có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 08/6/2023, bị Tòa án nhân dân Thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xử 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo Bản án số 44/2023/HS-ST.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 22/3/2023. Có mặt.

3. Trần Viết Quốc C, tên gọi khác: B1, Giới tính: Nam, sinh ngày 19/5/1996, tại thành phố Đà Nẵng; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: 11A Mỹ Đa Đông 8, Tổ C phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông. Trình độ học vấn: 12/12. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Trần Viết C1 (SN 1970) và bà Ngô Thị H1 (SN 1966). Bị cáo là con duy nhất trong gia đình. Vợ Nguyễn Thị Xuân N (sinh 1995). Có 01 con sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 22/3/2023 đến ngày 29/3/2023 trả tự do; bắt tạm giam từ ngày 25/9/2023. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh Trần C2 (tên gọi khác: Quậy, A Minh G), sinh năm: 1991; HKTT: Tổ 36 phường M, quận N, TP .; nơi cư trú: K T, phường X, quận T, TP .. Vắng mặt.

+ Anh Ngô Quang T1 (tên gọi khác: Trung lùn), sinh năm: 1996, HKTT: Tổ 09 phường M, quận N, TP .. Vắng mặt.

+ Chị Đinh Thị Kim N1, sinh năm: 2004, HKTT: K748/34 T, Tổ 04 phường X, quận T, TP .; nơi cư trú: K T, quận T, TP .. Vắng mặt.

+ Chị Hoàng Thị Ngọc H2, sinh năm: 1981, HKTT: 02 H, phường T, quận H, TP .. Vắng mặt.

+ Anh Trần Văn M, sinh năm: 1992, HKTT: Thị trấn T (trước là xã T), huyện H, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 18 giờ 00 phút, ngày 22/3/2023, tại đối diện nhà số D đường N, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, lực lượng Phòng chống ma túy và tội phạm của Đồn Biên phòng P2 phát hiện bắt quả tang Trần Viết Quốc C có hành vi tàng trữ trong người 01 gói nilon màu trắng kích thước khoảng (02 x 02) cm, bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng (niêm phong trong bì thư kí hiệu C1); Trần Viết Quốc C khai nhận số ma túy bị thu giữ là ma túy đá được C mua của Đinh Văn P về để bán lại và sử dụng cá nhân.

Đồn Biên phòng P2 tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Đinh Văn P và Nguyễn Thị Phương T tại căn hộ số 504 khách sạn T2, số A, đường 3 tháng 2, phường T, quận H, TP Đà Nẵng phát hiện, thu giữ: 19 (mười chín) gói nilon màu trắng, bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng (niêm phong trong bì thư kí hiệu P1); Tiến hành kiểm tra phương tiện xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario biển kiểm soát: 43D1-863.21 dựng trước cửa khách sạn T2 của P thu giữ thêm: 01 (một) gói nilon màu trắng kích thước khoảng 07cm x 04cm bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng (niêm phong trong bì thư kí hiệu P2).

Đồn Biên phòng P2 đã tiến hành ra Lệnh giữ người và bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Đinh Văn P và Nguyễn Thị Phương T.

Theo Kết luận giám định số: 261/KL-KTHS ngày 29/3/2023 của Phòng K Công an thành phố Đ, kết luận: Mẫu tinh thể rắn màu trắng trong bì thư niêm phong ký hiệu C1 gửi giám định là ma túy tổng hợp loại Methamphetamine, khối lượng mẫu C1: 0,054 gam. Mẫu tinh thể rắn màu trắng trong bì thư niêm phong ký hiệu P1 gửi giám định là ma túy tổng hợp loại Methamphetamine, khối lượng mẫu P1: 3,941 gam. Mẫu tinh thể rắn màu trắng trong bì thư niêm phong ký hiệu P2 gửi giám định là ma túy tổng hợp loại Methamphetamine, khối lượng mẫu P2: 7,821 gam.

Tổng trọng lượng thu giữ trong vụ án là: 11,816 gam ma túy tổng hợp loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra xác định: Nguồn gốc ma túy thu giữ của C và P là do P và T mua của 01 người đàn ông (chưa xác định rõ nhân thân, lai lịch, sử dụng số điện thoại 0935.359.897) về phân nhỏ bán lại. P đã bán ma túy cho Trần Viết Quốc C 18 lần, trong đó C đã bán lại cho người khác 03 lần, cụ thể như sau:

Lần thứ 01: Lúc 06h ngày 26/02/2023, C gọi Zalo cho P hỏi mua 300.000đồng, P đồng ý và chỉ địa điểm cho C đến chậu cây tại đoạn trước số nhà A đường N, phường X, quận T, TP . lấy gói ma túy do P cất giấu, C đem về sử dụng hết. Đến khoảng 12h00' cùng ngày, C sử dụng tài khoản Momo 0935.383.853 của mình chuyển đến số tài khoản Momo 0905.034.024 của Đinh Văn P số tiền 250.000đồng qua tài khoản Momo, nợ lại 50.000đồng.

Lần thứ 02: Khoảng 01 giờ ngày 27/02/2023, Trần C2 sử dụng Z nhờ C mua giúp 300.000đồng ma túy đá, C đồng ý. C2 chuyển số tiền 350.000đồng đến tài khoản Momo 0935.383.853 của C, C sử dụng Z liên lạc với Đinh Văn P hỏi mua 300.000đồng ma túy đá, C chuyển đến tài khoản Momo của Đinh Văn P số tiền 300.000đồng để mua ma túy, P đồng ý và nói C đến điểm cất giấu ma túy khu vực Đ đường N lấy ma túy, sau đó C liên lạc chỉ địa điểm cho Trần C2 lấy gói ma túy trên về sử dụng. C thu lợi được 50.000đồng.

Lần thứ 3: Lúc 15h00 ngày 27/02/2023, C điện thoại hỏi mua của P 300.000đồng ma túy đá và chuyển 300.000đồng cho P qua ví momo như đã nêu trên. Sau đó, P đem ma túy đến nhà Trần C2 (M) tại Kiệt G T, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng, C và C2 cùng sử dụng hết.

Lần thứ 4: Ngày 05/3/2023 Ngô Quang T1 điện thoại cho Trần Viết Quốc C hỏi mua 300.000đồng ma túy để sử dụng, C đồng ý và nói T1 phải chuyển số tiền 350.000đồng đến tài khoản Momo của C, sau đó C sử dụng Z liên lạc với Đinh Văn P để hỏi mua 300.000đồng ma túy đá, đồng thời C chuyển cho Đinh Văn P số tiền 400.000đồng qua tài khoản momo như đã nêu trên (trong đó có 300.000đồng để mua ma túy, còn 100.000đồng C trả tiền mua ma túy còn nợ trước đó), P đồng ý và chỉ địa điểm nói C đến khu vực đoạn 1073-1075 đường N để lấy ma túy, sau đó C nhắn tin địa điểm để T1 đến lấy gói ma túy đá về sử dụng. C thu lợi được 50.000đồng.

Lần thứ 5: Khoảng 09h00 ngày 09/3/2023, C nhắn tin cho P qua Z hỏi mua 300.000đồng ma túy đá, P đồng ý nên C chuyển cho P 300.000đồng qua tài khoản Momo như trên. Đến 14h00 ngày 9/3/2023, C nhắn tin cho P yêu cầu P giao ma túy, P chỉ cho C đến chậu cây tại đoạn 1073-1075 đường N lấy gói ma túy do P cất giấu. C đem về sử dụng hết.

Lần thứ 6: Khoảng 8h00' ngày 13/3/2023, C và Trần C2 góp 300.000đồng (C góp 100.000đồng, C2 góp 200.000đồng). Sau đó, C đem số tiền này đến cửa hàng FPT nộp vào tài khoản Momo 0935.383.853 của C. Sau đó, C nhắn tin qua zalo hỏi mua của P 300.000đồng ma túy đá và chuyển 300.000đồng cho P qua ví momo như đã nêu trên. P chỉ địa điểm cho C đến chậu cây tại Đ đường N lấy gói ma túy do P cất giấu, C đem về cùng C2 sử dụng hết.

Lần thứ 7: Khoảng 7h ngày 22/3/2023, C và Trần C2 góp 300.000 đồng (C góp 200.000đồng, C2 góp 100.000đồng). C nhắn tin qua zalo hỏi mua của P 300.000đồng ma túy đá, P đồng ý và hẹn C đến tầng 5 khách sạn T2, A đường C, TP . để nhận ma túy. C đến cửa hàng F trên đường N, TP . nộp vào tài khoản số 0905.034.024 của P tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần T3 (T4). Sau đó, C đến

điểm hẹn lấy 01 gói ma túy do P cất giấu từ trước về sử dụng cùng C2 tại nhà nghỉ trên đường N.

Lần thứ 8: Vào khoảng 17 giờ ngày 22/3/2023, Trần C2 sử dụng Zalo liên lạc nhờ C mua giúp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) ma túy đá, C đồng ý và đến khu vực gần cầu T, quận S, TP . gặp Trần Cương n của C2 số tiền 340.000đồng. C sử dụng Z liên lạc với Đinh Văn P để hỏi mua 300.000đồng ma túy đá, P đồng ý và hẹn C đến tầng 5 khách sạn T2, A đường C, TP . để nhận ma túy, C sử dụng tài khoản M1 chuyển đến số tài khoản Momo của Đinh Văn P số tiền 300.000 đồng, rồi đến điểm hẹn để nhận ma túy, sau khi nhận ma túy xong C điều khiển xe máy nhãn hiệu Yamaha Nouvo BKS: 92H7-2929 cầm gói ma túy này chạy đến giao cho Trần C2, tuy nhiên khi C vừa đến đối diện số nhà D, đường N, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng thì bị lực lượng Phòng chống ma túy và tội phạm của Đoàn Biên phòng P2 phát hiện bắt quả tang, thu giữ gói ma túy này, C thu lợi được 40.000đồng. Sau đó, Bộ đội Biên phòng bắt giữ, khám xét khẩn cấp nơi ở của P và T như đã nêu trên.

Ngoài 08 lần nêu trên, P và C khai nhận: P còn bán ma túy cho C nhiều lần nhưng không nhớ rõ thời gian địa điểm, tuy nhiên qua các hình ảnh tin nhắn, phiếu chuyển tiền và tài khoản ngân hàng của P đủ căn cứ xác định: P còn bán ma túy cho C 10 lần vào các ngày 22/01/2023, 27/01/2023, 29/01/2023, 02/02/2023, 07/02/2023, 10/02/2023, 13/02/2023, 16/02/2023, 21/02/2023 (02 lần), mỗi lần mua 01 gói với giá 300.000đ. Tổng số tiền bán ma túy trong 10 lần trên là 3.000.000đ.

Ngoài ra, C khai nhận còn 02 lần bán ma túy cho người tên L và tên H3, tuy nhiên hiện chưa xác định được lai lịch của L, H3 và không có chứng cứ khác chứng minh nên không đủ căn cứ xử lý C về hành vi này.

* Tại Cáo trạng số 42/CT-VKS ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Đinh Văn P, Nguyễn Thị Phương T, Trần Viết Quốc C phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đối với bị cáo P:

Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Đinh Văn P từ 10 (mười) năm tù đến 11 (mười một) năm tù.

Áp dụng Điều 35, khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự, xử phạt bổ sung đối với bị cáo P số tiền từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng.

- Đối với bị cáo T:

Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Phương T từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự hợp nhất tổng hợp hình phạt với 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” của Bản án số 44 ngày 08/6/2023 của Tòa án nhân dân Thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo T không có tài sản gì nên không đề nghị.

- Đối với bị cáo C:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Trần Viết Quốc C từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù.

Hình phạt bổ sung : Bị cáo C không có tài sản gì nên không đề nghị.

Về số tiền thu lợi bất chính: Áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự Buộc bị cáo C nộp lại số tiền thu lợi bất chính 140.000đ (Một trăm bốn nghìn đồng).

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy đối với tang vật đã thu giữ, gồm:

. Toàn bộ chất ma túy còn lại sau được niêm phong trong 03 bì niêm phong ký hiệu “C1”, “P1” và “P2” đều có số 261/KL-KTHS ngày 29/3/2023 có đóng dấu giáp lai của Phòng K Công an T.

. 1 (một) bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy, 01 (một) ống thủy tinh;

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

. 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu: Iphone, màu vàng, số I: 359265386908509, bên trong gắn sim với số thuê bao là 0905.282.873 và số tiền 1.492.000 đồng tạm giữ của P.

. 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu: Nokia, màu đen, số I: 357756108526175, bên trong gắn sim với số thuê bao là 0905.034.024 tạm giữ của T.

. 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu: Sony, màu xanh, số I: 358352086635995, bên trong gắn sim với số thuê bao là 0905.764.386 tạm giữ của C.

+ Trả các tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo cụ thể như sau:

. 01 (một) căn cước công dân, 01 (một) thẻ ngân hàng T5, 01 (một) thẻ ngân hàng V, đều mang tên Đinh Văn P đề nghị trả lại cho P.

. Toàn bộ mẫu vật hoàn trả sau giám định trong bì niêm phong số 990/KL-KTHS có đóng dấu giáp lai Phân Viện khoa học hình sự tại TP Đà Nẵng kèm theo Kết luận giám định số 990/KL-KTHS ngày 22/5/2024 của Phân Viện khoa học hình sự - Bộ C5; 01 (một) đồng hồ điện tử, màu trắng bạc, dây đeo màu đen, ký hiệu ở mặt trong: S 49 mm và 12 USD (mười hai đô la Mỹ) tạm giữ của P đề nghị trả lại cho P nhưng tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án.

. 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu: Iphone, màu trắng bạc, số I: 359151070719594, bên trong gắn sim với số thuê bao là 0795.694.216 tạm giữ của T đề nghị trả lại cho T.

. 01 (một) căn cước công dân số mang tên Trần Viết Quốc C đề nghị trả lại cho C.

- Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo, gắn biển kiểm soát 92H7 - 2929, số khung: RLCN5P11AY215955, số máy: 5P11215958 do anh Trần Văn M đứng tên chủ sở hữu, qua xác minh Công an xã T cung cấp hiện anh M không có mặt tại địa phương đi đâu làm gì không rõ; theo lời khai của Trần Viết Quốc C, xe này C mua của người người khác, không nhớ tên địa chỉ. Đề nghị chuyển cho Công an quận T tiếp tục làm rõ và xử lý theo quy định.

. Đối với 01 (một) cây kiếm, lưỡi bằng kim loại, vỏ màu đen, dài khoảng 70 cm thu giữ của Đinh Văn P: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T đã ra Quyết định trưng cầu giám định. Theo Kết luận giám định số 193/KL-KTHS ngày 06/3/2024 của Phòng K Công an T: “Mẫu vật gửi giám định là vũ khí có tính năng tác dụng tương tự vũ khí thô sơ”. Phát chưa có tiền án, tiền sự về hành vi chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ nên không cấu thành tội phạm theo Điều 360 Bộ luật Hình sự. Đề nghị chuyển cho Công an quận T xử lý theo quy định.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario, biển kiểm soát 43D1-863.21: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T trả lại cho chủ sở hữu là chị Đinh Thị Kim N1 là có căn cứ nên không đề cập giải quyết.

- Các bị cáo P, T, C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, quá trình xét hỏi các bị cáo P, T, C thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng với nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Các bị cáo Đinh Văn P, Nguyễn Thị Phương T, Trần Viết Quốc C nói lời sau cùng: Đã nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật và mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo có cơ hội làm ăn lương thiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của P2 - Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố Đ, cán bộ Điều tra; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H, quận T, thành phố Đà Nẵng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, quận T, thành phố Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá

trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về xác định tội phạm:

[2.1] Lời khai nhận tội của các bị cáo Đinh Văn P, Nguyễn Thị Phương T, Trần Viết Quốc C tại phiên tòa đúng như bản Cáo trạng đã truy tố; lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Trong khoảng thời gian từ tháng 22/01/2023 đến ngày 22/3/2023 trên địa bàn quận T và H, thành phố Đà Nẵng, Đinh Văn P, Nguyễn Thị Phương T đã bán ma túy loại Methamphetamine cho Trần Viết Quốc C 18 lần, mỗi lần 01 gói giá 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Tổng số tiền mà P và T bán được là 5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm ngàn đồng). Tổng khối lượng ma túy mà P và T phải chịu trách nhiệm hình sự là 11,816 gam ma túy tổng hợp loại Methamphetamine.

Đối với Trần Viết Quốc C: Sau khi mua ma túy từ P và T, C mang về sử dụng và bán lại 03 lần cho Trần C2 và Ngô Quang T1. Trong đó vào các ngày 27/02/2023 và ngày 22/3/2023, C bán cho C2 02 lần mỗi lần 01 gói với giá lần lượt là 350.000đ (Ba trăm năm mươi ngàn đồng) và 340.000đ (Ba trăm bốn mươi ngàn đồng); vào ngày 05/3/2023, C bán cho T1 01 gói ma túy với giá 350.000đ (Ba trăm năm mươi ngàn đồng). Tổng số tiền mà C bán ma túy loại Methamphetamine là 1.040.000đ (Một triệu, không trăm bốn mươi ngàn đồng). Khối lượng ma túy mà C chịu trách nhiệm hình sự là 0,054 gam ma túy loại Methamphetamine.

Như vậy, P, T đã 18 lần thực hiện việc bán trái phép chất ma túy với tổng khối lượng là 11,816 gam ma túy tổng hợp loại Methamphetamine cho bị cáo C nên hành vi của các bị cáo P, T đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung tăng nặng hình phạt “*Phạm tội 02 lần trở lên*” và “*Heroine, C3, Methamphetamine, A1, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam*” được quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. C đã 03 lần thực hiện việc bán trái phép chất ma túy với khối lượng là 0,054 gam ma túy loại Methamphetamine nên hành vi của bị cáo C đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung tăng nặng hình phạt “*Phạm tội 02 lần trở lên*” được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Đinh Văn P, Nguyễn Thị Phương T, Trần Viết Quốc C như Cáo trạng số 42/CT-VKS ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.3] Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Xét tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo P, T, C là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của

Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo nhận thức rõ ma túy gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe và sự phát triển nòi giống của dân tộc, là tệ nạn xã hội và là nguyên nhân gây ra nhiều loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác, nhưng các bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nên cần có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. HĐXX thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[2.4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ của các bị cáo thì thấy:

Bản thân các bị cáo P, T, C là người nghiện ma túy nên các bị cáo đã nhiều lần mua ma túy về chia nhỏ bán lại cho đối tượng nghiện để có tiền tiêu xài cá nhân và có ma túy sử dụng.

Bị cáo P có 02 tiền sự: Bị Chủ tịch UBND phường X, quận T ra Quyết định số 276/2021/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại phường, thời hạn 03 tháng, bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 11/2022/QĐ-TA ngày 27/01/2022, thời hạn 12 tháng. Và có nhân thân rất xấu: Ngày 07/9/2014, 22/5/2018 bị Công an quận T xử phạt hành chính và ngày 09/10/2018 bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP . xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tiền sự và nhân thân trên của P đều liên quan đến hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Trong vụ án, bị cáo P là người khởi xướng, chủ mưu, trực tiếp bán, đưa ma túy cho C và là người nhận tiền của C.

Bị cáo T bị Tòa án nhân dân Thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xử 07 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” tại Bản án số 44/2023/HS-ST ngày 08/6/2023 nhưng bị cáo vẫn tiếp tục phạm tội. Trong vụ án, bị cáo T là đồng phạm tích cực, liên lạc với người bán ma túy, chuyển tiền mua ma túy, biết rõ bị cáo P bán ma túy nhưng vẫn giúp bị cáo P thực hiện hành vi mua bán ma túy, cùng sử dụng số tiền bán ma túy với P để thuê nhà, tiêu xài.

Bị cáo C không tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu. Sau khi mua ma túy của P thì C về sử dụng và bán lại 03 lần cho C2, T1. Số lượng ma túy bị thu giữ có khối lượng nhỏ, tổng số tiền C bán ma túy là 1.040.000đ, thu lợi bất chính là 140.000đ.

Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo P, T, C thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo C có ông, bà ngoại là người có công với cách mạng, bản thân bị cáo đã đi nghĩa vụ công an nhân dân nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo P, T mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần hơn, khối lượng lớn hơn nên phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo C; bị cáo P là người thực hành, có nhiều tiền sự, nhân thân xấu hơn bị cáo T nên P phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo T. Vì vậy, HĐXX sẽ cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo.

Do bị cáo T bị Tòa án nhân dân huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xử phạt 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự tại Bản án số 44/2023/HS-ST ngày 08/6/2023 nên cần

tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 Bản án theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

[3] Về hình phạt bổ sung:

Ngoài hình phạt chính cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo P nhằm thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật theo quy định tại Điều 35, khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự:

Phạt bị cáo Đinh Văn P 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng)

Phạt các bị cáo Nguyễn Thị Phương T, Trần Viết Quốc C mỗi bị cáo 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

[4] Về số tiền thu lợi bất chính:

Đối với 03 lần C mua ma túy vào các ngày 27/02/2023, 22/3/2023, 05/3/2023 từ P và T là 900.000đ, C bán lại cho C2 và T1 1.040.000đ nên số tiền thu lợi bất chính là 140.000đ. Vì vậy, HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo C nộp lại số tiền thu lợi bất chính 140.000đ (Một trăm bốn nghìn đồng).

[5] Về xử lý vật chứng: Theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự thì:

- Toàn bộ chất ma túy còn lại sau được niêm phong trong 03 bì niêm phong ký hiệu “C1”, “P1” và “P2” đều có số 261/KL-KTHS ngày 29/3/2023 có đóng dấu giáp lai của Phòng K Công an T là chất cấm; 1 (một) bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy, 01 (một) ống thủy tinh là công cụ, phương tiện phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone, màu vàng, số Imei 359265386908509, bên trong gắn sim với số thuê bao là 0905.282.873 và số tiền 1.492.000đ (Một triệu, bốn trăm chín mươi hai nghìn đồng) tạm giữ của P; 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia, màu đen, số Imei 357756108526175, bên trong gắn sim với số thuê bao là 0905.034.024 tạm giữ của T; 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Sony, màu xanh, số Imei 358352086635995, bên trong gắn sim với số thuê bao là 0905.764.386 tạm giữ của C: Là công cụ, phương tiện liên lạc và số tiền mua bán ma túy nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Trả lại cho các bị cáo các tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

- + 01 (một) căn cước công dân, 01 (một) thẻ ngân hàng T5, 01 (một) thẻ ngân hàng V, đều mang tên Đinh Văn P trả lại cho P.

- + 01 (một) lắc tay vàng, kích thước 19,2cm x 1,5cm; 01 (một) sợi dây chuyền vàng, kích thước dài 54,5cm; 01 (một) mặt dây chuyền; 01 (một) nhẫn đeo tay vàng, đường kính 02cm, có đính kèm các hạt chất trong suốt (Mẫu vật hoàn trả sau giám định trong bì niêm phong số 990/KL-KTHS có đóng dấu giáp lai Phân Viện khoa học hình sự tại TP Đà Nẵng kèm theo Kết luận giám định số 990/KL-KTHS ngày 22/5/2024 của Phân Viện khoa học hình sự - Bộ C5); 01 (một) đồng hồ điện tử, màu trắng bạc, dây đeo màu đen, ký hiệu ở mặt trong: S 49 mm và 12 USD (mười hai đô la Mỹ) tạm giữ của P trả lại cho P nhưng tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án.

+ 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone, màu trắng bạc, số Imei 359151070719594, bên trong gắn sim với số thuê bao là 0795.694.216 tạm giữ của T trả lại cho T.

+ 01 (một) căn cước công dân số mang tên Trần Viết Quốc C trả lại cho C.

- Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo, gắn biển kiểm soát 92H7-2929, số khung: RLCN5P11AY215955, số máy: 5P11215958: Do anh Trần Văn M đứng tên chủ sở hữu; qua xác minh Công an Thị trấn T (trước là xã T) cung cấp hiện anh M không có mặt tại địa phương đi đâu, làm gì không rõ và theo lời khai của Trần Viết Quốc C, xe này C mua của người khác, không nhớ tên địa chỉ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chuyển cho Công an quận T tiếp tục làm rõ và xử lý theo quy định.

- Đối với 01 (một) cây kiếm Nhật vỏ màu đen dài khoảng 70cm thu giữ của Đinh Văn P: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 299/QĐ-ĐCSMT ngày 29/02/2024. Theo Kết luận giám định số 193/KL-KTHS ngày 06/3/2024 của Phòng K Công an T: “Mẫu vật gửi giám định là vũ khí có tính năng tác dụng tương tự vũ khí thô sơ”. Tuy nhiên, P chưa có tiền án, tiền sự về hành vi chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ nên không cấu thành tội phạm theo Điều 360 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử chuyển vật chứng này cho Công an quận T xử lý theo quy định.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario, biển kiểm soát 43D1-863.21: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T trả lại cho chủ sở hữu là chị Đinh Thị Kim N1 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đối với lời khai của Trần Viết Quốc C và Trương C4 về việc góp tiền mua ma túy về sử dụng, hiện nay Trương C4 đã bán nhà đi khỏi nơi đăng ký hộ khẩu thường trú là tổ C, phường M, quận N, TP Đà Nẵng và không còn thuê trọ tại K T, phường X, quận T, TP ., đi đâu và làm gì không rõ. Hiện không có chứng cứ khác chứng minh nên không có căn cứ xử lý C, C4 về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

- Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho Đinh Văn P và Nguyễn Thị Phương T; người tên L và tên H3 đã mua ma túy của C, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý sau.

- Đối với Trần C2: Đã có hành vi đưa tiền cho C đi mua 0,054 gam ma túy loại Methamphetamine, Công an quận T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1415/QĐ-XPHC ngày 12/7/2023 đối với Trần C2.

- Đối với Ngô Quang T1: Có hành vi mua ma túy của Trần Viết Quốc C, Cơ quan CSĐT Công an quận T sẽ tiếp tục xác minh, điều tra, làm rõ, xử lý sau.

- Đối với bà Hoàng Thị Ngọc H2: Có hành vi cho P và T thuê căn hộ số 504 khách sạn T2, số A, đường 3 tháng 2, phường T, quận H, TP . nhưng không biết P và T tàng trữ ma túy để bán nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T không đề cập truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[7] Về án phí:

Các bị cáo Đinh Văn P, Nguyễn Thị Phương T, Trần Viết Quốc C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Theo những nhận định như trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đinh Văn P, Nguyễn Thị Phương T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Viết Quốc C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

- Đối với bị cáo P:

Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt:

Xử phạt: Bị cáo Đinh Văn P 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/3/2023.

- Đối với bị cáo T:

Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 56 Bộ luật Hình sự. Xử phạt:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Phương T 08 (tám) năm tù.

Tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Phương T phải chấp hành hình phạt tù của bản án này và tổng hợp với hình phạt 07 (bảy) năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2023/HS-ST ngày 08/6/2023 của Tòa án nhân dân Thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Phương T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 15 (mười lăm) năm tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/3/2023.

- Đối với bị cáo C:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Viết Quốc C 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/9/2023, trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 22/3/2023 đến ngày 29/3/2023.

2. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng Điều 35, khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Phạt bị cáo Đinh Văn P 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng)

Phạt các bị cáo Nguyễn Thị Phương T, Trần Viết Quốc C mỗi bị cáo 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

3. Về số tiền thu lợi bất chính: Áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo Trần Việt Quốc C nộp lại số tiền thu lợi bất chính 140.000đ (Một trăm bốn nghìn đồng).

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy: Toàn bộ chất ma túy còn lại sau được niêm phong trong 03 (ba) bì niêm phong, ký hiệu “C1”, “P1” và “P2” kèm theo Kết luận giám định số 261/KL-KTHS ngày 29/3/2023, có đóng dấu giáp lai của Phòng K Công an T; 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy, 01 (một) ống thủy tinh.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

- + 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone màu vàng, số I: 359265386908509, bên trong gắn sim với số thuê bao là 0905.282.873 và số tiền 1.492.000đ (Một triệu, bốn trăm chín mươi hai nghìn đồng) của Đinh Văn P.

- + 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia màu đen, số I: 357756108526175, bên trong gắn sim với số thuê bao là 0905.034.024 của Nguyễn Thị Phương T.

- + 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Sony, màu xanh, số I: 358352086635995, bên trong gắn sim với số thuê bao là 0905.764.386 trong bì niêm phong có đóng dấu giáp lai của Cơ quan CSĐT Công an quận H, chữ ký của Trần Việt Quốc C và những người liên quan.

- Trả lại cho Đinh Văn P: 01 (một) căn cước công dân, 01 (một) thẻ ngân hàng T5, 01 (một) thẻ ngân hàng V, đều mang tên Đinh Văn P.

- Trả lại cho Đinh Văn P: 01 (một) lắc tay vàng, kích thước 19,2cm x 1,5cm; 01 (một) sợi dây chuyền vàng, kích thước dài 54,5cm; 01 (một) mặt dây chuyền; 01 (một) nhẫn đeo tay vàng, đường kính 02cm, có đính kèm các hạt chất trong suốt (Mẫu vật hoàn trả sau giám định trong bì niêm phong số 990/KL-KTHS có đóng dấu giáp lai Phân Viện khoa học hình sự tại TP Đà Nẵng kèm theo Kết luận giám định số 990/KL-KTHS ngày 22/5/2024 của Phân Viện khoa học hình sự - Bộ C5); 01 (một) đồng hồ điện tử, màu trắng bạc, dây đeo màu đen, ký hiệu ở mặt trong: S 49 mm (không lên màn hình) và 12 USD (mười hai đô la Mỹ) tạm giữ của Đinh Văn P nhưng tiếp tục quy trừ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho Nguyễn Thị Phương T: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu: Iphone, màu trắng bạc, số I: 359151070719594, bên trong gắn sim với số thuê bao là 0795.694.216 tạm giữ của Nguyễn Thị Phương T.

- Trả lại cho Trần Việt Quốc C: 01 (một) căn cước công dân số mang tên Trần Việt Quốc C.

- Chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T tiếp tục làm rõ và xử lý theo quy định: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo, gắn biển kiểm soát 92H7-2929, số khung RLCN5P11AY215955, số máy 5P11215958 do anh

Trần Văn M đứng tên chủ sở hữu nhưng anh M không có mặt tại địa phương đi đầu, làm gì không rõ và Trần Viết Quốc C mua của người khác, không nhớ tên địa chỉ.

- Chuyển cho Công an quận T xử lý theo quy định: 01 (một) cây kiếm N, vỏ màu đen dài khoảng 70cm được niêm phong kèm theo Kết luận giám định số 193/KL-KTHS ngày 06/3/2024 của Phòng K Công an T.

(Toàn bộ vật chứng trên thể hiện tại Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 03/5/2024, 22/5/2024 và Biên lai thu tiền số 0000945 ngày 23/5/2024 hiện Chi Cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê đang quản lý).

5. Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Đinh Văn P, Nguyễn Thị Phương T, Trần Viết Quốc C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về thời hạn kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 23/5/2024. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- CQCSĐT Công an quận Thanh Khê;
- CCTHADS quận Thanh Khê;
- Trại tạm giam Công an Tp Đà Nẵng;
- TAND Tp Đà Nẵng;
- VKSND Tp Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp Tp Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diệp